TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 77/2026/QĐST-KDTM	*Hà nội, ngày 19 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật số: 85/2025-QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/07/2025.

Căn cứ Nghị quyết số 1656/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hà Nội năm 2025.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của một số Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán TANDTC;

Căn cứ khoản 2 Điều 17 - Luật phí và lệ phí 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành lập ngày 11/6/2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 55/2026/TLST-KDTM ngày 20/4/2026;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: ***Ngân hàng N (A);***

Trụ sở: Số B L, phường G, thành phố Hà Nội;

Do Ông Hoàng Kim Q và Bà Đinh Thị H làm đại diện theo giấy ủy quyền của ông Lê Thanh H1 trên cơ sở Quyết định ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng N.

Bị đơn: ***Công ty cổ phần Đ;***

Trụ sở: Số A đường X, phường C, thành phố Hà Nội.

Do ông Đặng Ngọc H2 – Chức vụ: Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Công ty Cổ phần Đ công nhận còn nợ Ngân hàng N do Chi nhánh S làm đại diện theo Hợp đồng cấp tín dụng số 1260-LAV-202400222 ký ngày 15/7/2024 với số nợ là: **19.491.272.891**

đồng; trong đó: Nợ gốc: 18.050.089.280 đồng; Nợ lãi trong hạn: 1.016.244.749 đồng; Nợ lãi quá hạn: 412.584.009 đồng; Lãi chậm trả: 12.354.853 đồng (Số lãi tạm tính đến ngày 31/3/2026);

2. Công ty Cổ phần Đ cam kết thanh toán cho Ngân hàng N do Chi nhánh S làm đại diện số tiền Nợ gốc là 18.050.089.280 đồng của Hợp đồng cấp tín dụng số 1260-LAV-202400222 ký ngày 15/7/2024 hạn cuối cùng là ngày 30/12/2026;

3. Đối với số tiền Nợ lãi trong hạn: 1.016.244.749 đồng; Nợ lãi quá hạn: 412.584.009 đồng; Lãi chậm trả: 12.354.853 đồng (Số lãi tạm tính đến ngày 31/3/2026) sẽ giải quyết như sau:

+ Trên cơ sở Đơn đề nghị Miễn giảm lãi của Công ty Cổ phần Đ thì Ngân hàng N thông qua chi nhánh S sẽ tiến hành xem xét Miễn giảm lãi cho Công ty Cổ phần Đ 1 khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Ngân hàng N.

+ Trường hợp Ngân hàng N thông qua chi nhánh S chấp thuận Miễn giảm lãi theo quy định của pháp luật và quy chế của Ngân hàng N thì Công ty Cổ phần Đ phải thanh toán tiền lãi còn lại thời hạn cuối cùng là ngày 30/12/2026 theo thông báo cụ thể của Ngân hàng N do Chi nhánh S làm đại diện.

+ Trường hợp Công ty Cổ phần Đ không được Ngân hàng N do Chi nhánh S làm đại diện chấp thuận miễn giảm lãi thì Công ty Cổ phần Đ phải thanh toán cho Ngân hàng N do Chi nhánh S làm đại diện toàn bộ số tiền nợ gốc và số nợ tiền lãi nêu trên chậm nhất vào ngày 30/12/2026.

4. Công ty Cổ phần Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc là 18.050.089.280 đồng theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng số 1260-LAV-202400222 ký ngày 15/7/2024 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật kể từ ngày 01/4/2026 cho đến khi thi hành án xong khoản nợ gốc;

5. Trong trường hợp Công ty Cổ phần Đ thanh toán trả cho Ngân hàng N do Chi nhánh S làm đại diện số tiền Nợ gốc 18.050.089.280 đồng và khoản tiền lãi của số Nợ gốc 18.050.089.280 đồng theo thông báo miễn, giảm lãi của ngân hàng (Nếu được Ngân hàng đồng ý miễn, giảm lãi) hạn cuối cùng là ngày 30/12/2026; Thì Ngân hàng N do Chi nhánh S làm đại diện phải có trách nhiệm làm thủ tục giải chấp và trả lại Bản gốc: Hợp đồng mua bán Khu văn phòng số 05/2017/HĐ-LANMAK ký ngày 05/05/2017; Hợp đồng mua bán Khu văn phòng số 06/2017/HĐ-LANMAK ký ngày 05/05/2017; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 300871 do Phòng C – Công an thành phố H cấp ngày 03/01/2017 cho Công ty Cổ phần Đ1, đăng ký lần đầu ngày 03/01/2017; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 293758 do Phòng C – Công an thành phố H cấp ngày 15/9/2016 cho Công ty Cổ phần Đ1, đăng ký lần đầu ngày 20/11/2014; Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 04292/XMCD do Sở Giao thông vận tải thành phố H cấp ngày 02/11/2016 cho Công ty Cổ phần Đ1; Hợp đồng tiền gửi số 01/2021/HĐTG/NHNoHH-HANCORP1 ngày 30/06/2021 được ký giữa A chi nhánh H3 và Công ty Cổ phần Đ1 với Số dư 260.000.000 đồng.

6. Trong trường hợp Công ty Cổ phần Đ vi phạm kế hoạch thanh toán nêu trên thì Ngân hàng N do Chi nhánh S làm đại diện có quyền áp dụng các biện pháp khác theo quy định của pháp luật hoặc đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại, xử lý các tài sản thế chấp sau để thu hồi số Nợ gốc 18.050.089.280 đồng và khoản tiền lãi của số Nợ gốc 18.050.089.280 đồng theo thông báo của Ngân hàng:

Tài sản 1: Tất cả các quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán Khu văn phòng số 05/2017/HĐ-LANMAK ký ngày 05/05/2017 có thông tin: Khu văn phòng ký hiệu: S3 tại Tầng số: 3 Tháp: N04-T2 Dự án Tổ hợp Chung cư cao tầng; Diện tích sử dụng: 183,6 m2; Mục đích sử dụng: Sử dụng làm văn phòng làm việc; Lô số N04B thuộc dự án Khu Đ, phường X, quận B, thành phố Hà Nội giữa Bên mua là Công ty Cổ phần Đ1 với Bên bán Công ty cổ phần Đ2.

- Tài sản 2: Tất cả các quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán Khu văn phòng số 06/2017/HĐ-LANMAK ký ngày 05/05/2017 có thông tin: Khu văn phòng ký hiệu: S4 tại Tầng số: 3 Tháp: N04-T2 Dự án Tổ hợp Chung cư cao tầng; Diện tích sử dụng: 249 m2; Mục đích sử dụng: Sử dụng làm văn phòng làm việc; Lô số N04B thuộc dự án Khu Đ, phường X, quận B, thành phố Hà Nội giữa Bên mua là Công ty Cổ phần Đ1 với Bên bán Công ty cổ phần Đ2.
- Tài sản 3: 01 Xe ô tô con nhãn hiệu BMW, biển số 30E-599.55, màu sơn: nâu, số khung: 310700L71613, số máy: 21441N20B20A theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 300871 do Phòng C – Công an thành phố H cấp ngày 03/01/2017 cho Công ty Cổ phần Đ1, đăng ký lần đầu ngày 03/01/2017.
- Tài sản 4: 01 Xe ô tô con nhãn hiệu TOYOTA, biển số 30A-391.71, màu sơn: xám, số khung: 59GXB9018912, số máy: 2TR7865791 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 293758 do Phòng C – Công an thành phố H cấp ngày 15/9/2016 cho Công ty Cổ phần Đ1, đăng ký lần đầu ngày 20/11/2014.
- Tài sản 5: 01 Xe máy xúc nhãn hiệu DAEWOO SOLAR220LC, biển số 29XA-0911, màu sơn: xanh, số khung: SL220LC-III-00265, số động cơ: D1146500011 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng số 04292/XMCD do Sở Giao thông vận tải thành phố H cấp ngày 02/11/2016 cho Công ty Cổ phần Đ1.
- Tài sản 6: Hợp đồng tiền gửi số 01/2021/HĐTG/NHNoHH-HANCORP1 ngày 30/06/2021 được ký giữa A chi nhánh H3 và Công ty Cổ phần Đ1 với Số dư 260.000.000 đồng.

Khi Ngân hàng N do Chi nhánh S làm đại diện áp dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật hoặc đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xử lý tài sản thế chấp nêu trên thì những người đang sinh sống và cư trú tại tài sản thế chấp có trách nhiệm di dời tài sản cá nhân ra khỏi tài sản thế chấp nêu trên.

7. Trong trường hợp sau khi tiến hành xử lý tài sản thế chấp hoặc áp dụng các biện pháp khác theo quy định của pháp luật đối với tài sản thế chấp nêu trên mà không thu đủ số nợ của Công ty Cổ phần Đ 1 theo Hợp đồng cấp tín dụng số 1260-LAV-202400222 ký ngày 15/7/2024 thì Công ty Cổ phần Đ có trách nhiệm trả hết số tiền nợ còn thiếu đồng thời Ngân hàng N do Chi nhánh S làm đại diện có quyền đề nghị Các Cơ quan chức năng có thẩm quyền tiến hành xử lý các tài sản của Công ty Cổ phần Đ 1 theo quy định của pháp luật để thu hồi số nợ còn thiếu.

2.8. Về án phí:

Công ty Cổ phần Đ chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 63.750.000 đồng (Sáu mươi ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng);

Ngân hàng N do Chi nhánh S làm đại diện không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm; Do đó được nhận lại Số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án là 64.400.000 đồng (Sáu mươi tư triệu, bốn trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0009633 ngày 20/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS nhân dân Khu vực 1 - Hà Nội;

THẨM PHÁN

- Lưu hồ sơ vụ án.

Hoàng Đình Trung